

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 263/2018/DS-PT
Ngày: 09-3-2018
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Hằng**

Các Thẩm phán: 1/ Bà **Phạm Thị Nhung**
2/ Bà **Phạm Thị Thảo**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đỗ Từ Thanh Uyên** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông **Tào Minh Quân** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 3 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 638/2017/TLPT - DS ngày 13/11/2017, về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 447/2017/DSST ngày 08 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận X, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 475/2018/QĐ-PT ngày 01 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn sản xuất và thương mại P;

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Bùi Đình K**, sinh năm 1970 (có mặt) – Chức vụ: Chủ tịch hội đồng thành viên.

Địa chỉ: 200/1 đường G, phường J, quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Âu Thị Tuyết L1, sinh năm 1975; (vắng mặt)

Địa chỉ: 128A đường K, Phường M, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông **Đỗ Mạnh T**, sinh năm 1990; (vắng mặt)

Địa chỉ: 605 đường C, Phường N, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo hợp đồng ủy quyền. số 007102 ngày 27/6/2016 tại Văn phòng công chứng Chợ Lớn).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Công ty Trách nhiệm hữu hạn Rượu B;

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Huỳnh Quan Q**, sinh năm 1975 – Chức vụ: Giám đốc; (có mặt)

Địa chỉ: 40/4A đường R, xã U, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2 Bà **Âu Thị Thúy L2**, sinh năm 1970; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp O, xã F, huyện P, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L2 có bà **Trần Thị Duy L3**, sinh năm 1987; (có mặt)

Địa chỉ: 605 đường C, Phường N, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo hợp đồng ủy quyền số 012695 ngày 28/11/2016 và Hợp đồng ủy quyền số 002582 ngày 06/3/2018 tại Văn phòng công chứng Chợ Lớn).

4. *Người kháng cáo:* Bà **Âu Thị Thúy L2**, sinh năm 1970 – Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn sản xuất và thương mại P (sau đây gọi tắt là Công ty P) do ông Bùi Đình K làm đại diện theo pháp luật trình bày:

Công ty P và Công ty Trách nhiệm hữu hạn rượu B (sau đây gọi tắt là Công ty B) có mối quan hệ hợp tác làm ăn trên 10 năm. Trước năm 2012, Công ty B do ông Phí Lê Sơn (chồng của bà Âu Thị Tuyết L1) là đại diện theo pháp luật có ký hợp đồng mua bán với Công ty P. Năm 2012, ông Sơn chết nên chuyển giao Công ty B cho vợ là bà Âu Thị Tuyết L1 là người đại diện theo pháp luật quản lý công ty.

Năm 2013, năm 2014, bà L1 đại diện cho Công ty B ký kết hợp đồng mua bán số 02/2013/HĐ ngày 01/01/2013; số 08/2014/HĐ ngày 01/01/2014 với Công ty P. Theo đó, Công ty P đồng ý bán cho Công ty B cồn tinh luyện 96⁰, số lượng tùy theo nhu cầu của Công ty B, đơn giá do các bên thỏa thuận theo từng thời điểm đặt hàng, thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản, chứng từ thanh toán là hóa đơn hợp pháp kèm phiếu nhận hàng có xác nhận của bên mua.

Cuối năm 2014, bà L1 vì lý do riêng nên chuyển nhượng Công ty B cho người khác tiếp tục quản lý và điều hành hoạt động độc lập. Khi tiến hành chuyển nhượng bà L1 đã tiến hành ký xác nhận đối chiếu công nợ đến ngày 30/11/2014, Bà L1 thừa nhận số nợ là 271.950.000đồng vào ngày 12/12/2014 toàn bộ số công nợ của Công ty B và có giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 917033 do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 04/5/2006 cập nhật sang tên bà Âu Thị Tuyết L1 ngày 14/2/2008 và có thỏa thuận miệng sẽ trả hết số nợ cho Công ty P khi nhận tiền thanh toán chuyển nhượng Công ty B.

Đến nay, việc chuyển nhượng cho Công ty B đã xong nhưng bà L1 vẫn không trả số công nợ trên. Theo thỏa thuận giữa bà L1 và người đại diện theo pháp luật mới của Công ty B các phát sinh liên quan trong quá trình sản xuất kinh doanh từ 30/11/2014 trở về trước thì bà L1 sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm. Do đó, Công ty P khởi kiện yêu cầu bà Âu Thị Tuyết L1 và bà Âu Thị Thúy L2

là 02 thành viên của Công ty B trước khi chuyển nhượng có trách nhiệm trả cho Công ty P theo tỉ lệ góp vốn của từng người vào Công ty B theo biên bản đối chiếu ngày 12/12/2014 giữa công ty P và bà Âu Thị Tuyết L1 số tiền là 271.950.000 đồng, Công ty P không yêu cầu trả tiền lãi do chậm thanh toán.

Bị đơn bà Âu Thị Tuyết L1 có ông Đỗ Mạnh T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty P và Công ty B trước đây do ông Phí Lê Sơn đại diện theo pháp luật đã có quan hệ làm ăn từ nhiều năm. Năm 2012, sau khi ông Sơn chết, bà L1 tiếp quản Công ty B. Sau khi, đối chiếu công nợ Công ty B còn nợ lại Công ty P số tiền là 271.950.000 đồng. Để đảm bảo quyền lợi cho Công ty P, bà L1 có giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho bà Q là nhân viên Công ty P làm tin và cam kết sẽ kiểm tra lại chứng từ và sẽ thanh toán cho Công ty P số tiền còn lại. Nay Công ty P kiện yêu cầu bà L1 và bà L2 đòi số tiền còn nợ là 271.950.000 đồng thì bà L1 không đồng ý. Vì giữa bà L1 và Công ty P không có quan hệ làm ăn hay vay mượn, yêu cầu công ty P phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 917033 do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 04/5/2006 cập nhật sang tên bà Âu Thị Tuyết L1 ngày 14/2/2008.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty rượu B có ông Huỳnh Quan Quyền là người đại diện theo pháp luật trình bày:

Đầu tháng 12/2014, bà Âu Thị Tuyết L1 là đại diện theo pháp luật cũ của Công ty B và ông Q có ký bản thỏa thuận về việc chuyển nhượng Công ty B. Theo đó, bà L1 có trách nhiệm trả những khoản nợ của Công ty B có từ 30/11/2014 trở về trước, ông Q có trách nhiệm trả những khoản nợ của Công ty B có từ 01/12/2014 trở về sau. Do đó, trong vụ kiện giữa Công ty P và bà L1 thì Công ty B không có nghĩa vụ và quyền lợi liên quan và xin được vắng mặt trong các buổi làm việc, hòa giải và xét xử của Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Âu Thị Thúy L2 có ông Đỗ Mạnh T là người đại diện theo ủy quyền có bản tự khai trình bày:

Bà L2 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty P, đề nghị Công ty P trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L1. Vì cá nhân bà L1 và công ty P không có quan hệ vay mượn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 447/2017/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận X, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

1/ Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn sản xuất và thương mại P:

- Buộc bà Âu Thị Tuyết L1 có trách nhiệm trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn sản xuất và thương mại P số tiền 268.550.625 đồng (hai trăm sáu mươi tám triệu năm trăm năm mươi ngàn sáu trăm hai mươi lăm đồng), trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Buộc bà Âu Thị Thúy L2 có trách nhiệm trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn sản xuất và thương mại P số tiền 3.399.375 đồng (ba triệu ba trăm chín mươi chín ngàn ba trăm bảy mươi lăm đồng), trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2/ Công ty Công ty Trách nhiệm hữu hạn sản xuất và thương mại P có trách nhiệm trả lại cho bà Âu Thị Tuyết L1 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 917033 do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 04/5/2006 cập nhật sang tên bà Âu Thị Tuyết L1 ngày 14/2/2008.

3/ Tiếp tục duy trì Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 05/2016/QĐ-BPBD ngày 29/8/2016 và Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 16/2016/QĐ-BPKCTT ngày 05/9/2016 của Tòa án nhân dân quận X, Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 20/9/2017, bà Âu Thị Thúy L2 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Âu Thị Thúy L2 có người đại diện theo ủy quyền trình bày yêu cầu kháng cáo không đồng ý trả số tiền 3.399.375 đồng, do bà L2 không liên quan đến số nợ của nguyên đơn. Bà L2 chỉ có 1,25% vốn góp, mọi việc của Công ty P do bà Âu Thị Tuyết L1 quyết định và bà L1 đã cam kết nhận nợ thì bà L1 tự chịu trách nhiệm trả cho Công ty P. Do đó, bà L2 đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm.

Nguyên đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Đơn kháng cáo của đương sự làm trong hạn luật định nên hợp lệ, đề nghị Tòa án chấp nhận. Hội đồng xét xử và những người tham gia phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm.

Về nội dung: Căn cứ bảng công nợ chi tiết và xác nhận của bà L1 thì Công ty B còn nợ Công ty P số tiền 271.950.000 đồng. Căn cứ biên bản thỏa thuận về việc chuyển nhượng Công ty B ngày 01/12/2014 thì tiền mua bán hàng còn nợ của Công ty P phát sinh trước ngày 30/11/2014 thuộc trách nhiệm giải quyết của các thành viên Công ty B trước khi chuyển nhượng. Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thì Công ty B có hai thành viên là bà Âu Thị Tuyết L1 tỉ lệ vốn góp 98,75%; bà Âu Thị Thúy L2 tỉ lệ góp vốn 1,25% nên bà L1 và bà L2

cùng có trách nhiệm trả số nợ 271.950.000 đồng theo tỉ lệ góp vốn của mỗi người. Do đó, Tòa sơ thẩm buộc bà L1 trả 268.550.625 đồng; bà L2 có trách nhiệm trả 3.399.375 đồng và buộc Công ty P trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L1; Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để đảm bảo thi hành án là có căn cứ.

Bởi các lẽ trên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà L2; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Âu Thị Tuyết L1 có người đại diện theo ủy quyền là ông Đỗ Mạnh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Âu Thị Thúy L2, xét thấy:

[2.1] Căn cứ hợp đồng mua bán số 02/2013/HĐ ngày 01/01/2013 và hợp đồng mua bán số 08/2014/HĐ ngày 01/01/2014 ký kết giữa Công ty B với Công ty P thể hiện: Công ty P bán cho Công ty B còn tính luyện 96⁰, số lượng tùy theo nhu cầu của Công ty B, đơn giá do các bên thỏa thuận theo từng thời điểm đặt hàng, thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản, chứng từ thanh toán là hóa đơn hợp pháp kèm phiếu nhận hàng có xác nhận của bên mua. Ngày 12/12/2014, Công ty B còn nợ số tiền chưa thanh toán là 271.950.000 đồng nên bà L1 xác nhận vào bảng công nợ chi tiết còn nợ Công ty P số nợ trên là đúng. Đồng thời, bà L1 có giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 917033 do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 04/5/2006 thay đổi bổ sung ngày 17/01/2008 để thế chấp cho Công ty P.

[2.2] Căn cứ Giấy xác nhận ngày 24/11/2015, bà L1 xác nhận còn nợ Công ty P số tiền 271.950.000 đồng nên bà Âu Thị Tuyết L1 phải chịu trách nhiệm trả khoản tiền trên cho nguyên đơn.

[2.3] Mặt khác, tại biên bản thỏa thuận về việc chuyển nhượng Công ty rượu B ngày 01/12/2014 giữa ông Huỳnh Quan Quyền và bà Âu Thị Tuyết L1 thì: Những tranh chấp phát sinh liên quan trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty rượu B từ 30/11/2014 trở về trước sẽ do bà Âu Thị Tuyết L1 có trách nhiệm giải quyết. Như vậy, các thành viên của Công ty B trước khi chuyển nhượng phải chịu trách nhiệm trả cho nguyên đơn tiền hàng còn nợ Công ty P phát sinh trước ngày 30/11/2014 là có căn cứ.

[2.4] Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 7 của Công ty B thì Công ty B có 02 thành viên là bà Âu Thị Tuyết L1, tỉ lệ vốn góp 98,75% và bà Âu Thị Thúy L2, tỉ lệ vốn góp 1,25%.

[2.5] Do đó, Tòa sơ thẩm buộc bà L1 và bà L2 có trách nhiệm trả số nợ của Công ty B trước khi chuyển nhượng là 271.950.000 đồng theo tỉ lệ vốn góp của mỗi người, cụ thể: bà L1 có trách nhiệm trả cho Công ty P là 268.550.625 đồng, bà L2 có trách nhiệm trả cho Công ty P 3.399.375 đồng; buộc Công ty P có trách nhiệm trả lại cho bà L1 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 917033 do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 04/5/2006 cập nhật sang tên bà Âu Thị Tuyết L1 ngày 14/2/2008 cho bà Âu Thị Tuyết L1 là có căn cứ, đúng quy định pháp luật, nên giữ nguyên án sơ thẩm.

[2.6] Do buộc bà L1 và bà L2 phải có nghĩa vụ trả tiền cho Công ty P nên Tòa án tiếp tục duy trì Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 05/2016/QĐ-BPBD ngày 29/8/2016 và Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 16/2016/QĐ-BPKCTT ngày 05/9/2016 của Tòa án nhân dân quận X, Thành phố Hồ Chí Minh là cần thiết để đảm bảo thi hành án.

[2.7] Bà Âu Thị Thúy L2 không đồng ý chịu trách nhiệm trả nợ cùng với bà Âu Thị Tuyết L1 nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh. Do đó, kháng cáo của bà L2 không được chấp nhận. Bản án sơ thẩm tuyên xử có căn cứ, đúng quy định pháp luật nên giữ nguyên.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Âu Thị Thúy L2, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

Các phần khác không có kháng cáo nên giữ nguyên như án sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Án sơ thẩm nhận định bà Âu Thị Tuyết L1 và bà Âu Thị Thúy L2 cùng phải chịu án phí là đúng. Tuy nhiên, phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên : “Bà Âu Thị Tuyết L1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 13.427.531 đồng (mười ba triệu bốn trăm hai mươi bảy ngàn năm trăm ba mươi một) đồng. Bà Âu Thị Tuyết L1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 200.000 đồng (hai trăm ngàn) đồng” là không chính xác. Do đó, sửa lại tên người phải nộp án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 200.000 đồng là bà Âu Thị Thúy L2 mới đúng.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 343, Điều 715 Bộ luật dân sự năm 2005;
- Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/2/2009, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Âu Thị Thúy L2.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 447/2017/DSST ngày 08/9/2017 của Tòa án nhân dân quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn sản xuất và thương mại P:

- Buộc bà Âu Thị Tuyết L1 có trách nhiệm trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn sản xuất và thương mại P số tiền 268.550.625 đồng (Hai trăm sáu mươi tám triệu năm trăm năm mươi ngàn sáu trăm hai mươi lăm) đồng, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Buộc bà Âu Thị Thúy L2 có trách nhiệm trả cho Công ty Trách nhiệm sản xuất và thương mại P số tiền 3.399.375 đồng (ba triệu ba trăm chín mươi chín ngàn ba trăm bảy mươi lăm) đồng, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn sản xuất và thương mại P có trách nhiệm trả lại cho bà Âu Thị Tuyết L1 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 917033 do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 04/5/2006 cập nhật sang tên bà Âu Thị Tuyết L1 ngày 14/2/2008.

3. Tiếp tục duy trì Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 05/2016/QĐ-BPBD ngày 29/8/2016 và Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 16/2016/QĐ-BPKCTT ngày 05/9/2016 của Tòa án nhân dân quận X, Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo thi hành án.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Âu Thị Tuyết L1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 13.427.531 đồng (mười ba triệu bốn trăm hai mươi bảy ngàn năm trăm ba mươi một) đồng.

Bà Âu Thị Thúy L2 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 200.000 đồng (hai trăm ngàn) đồng.

Hoàn lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn sản xuất và thương mại P số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.798.750 đồng (sáu triệu bảy trăm chín mươi tám ngàn bảy trăm năm mươi) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004969 ngày 02/12/2015 của Chi cục thi hành án dân sự quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Âu Thị Thúy L2 phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng bà L2 đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số

AA/2017/0006845 ngày 20/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND Cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND Tp.HCM;
- TAND quận X, Tp.HCM;
- Chi cục THADS quận X;
- Các đương sự;
- Lưu (P/18).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hằng